

Gò Công, ngày 19 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Bình.

2. Ông Phạm Đăng Khoa

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

\*Nguyên đơn: Nguyễn Minh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu Phố C, Phường L, thành phố G, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976.

Địa chỉ số A, N, khu phố A, Phường B, thành phố G, Tiền Giang.

\*Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu Phố C, Phường L, thành phố G, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số 83/20, Nguyễn Trãi, khu phố 9, phường 2, thành phố Gò Công, Tiền Giang

2. Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu Phố C, Phường L, thành phố G, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số H, N, khu phố I, phường B, thành phố G, Tiền Giang.

\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu Phố K, Phường L, thành phố G, Tiền Giang.

2/Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu Phố C, Phường L, thành phố G, Tiền Giang.

3/Anh Nguyễn Minh H4, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu Phố C, Phường L, thành phố G, Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà U, ông M, bà Đ, anh H1, bà H2, B, ông H4)

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về đất: Chia di sản thừa kế đối với  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3, diện tích 270,8 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp C, xã L, thành phố G, ( nay là khu phố C, phường L, thành phố G), Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp Giấy chứng CS 03930 ngày 21 tháng 7 năm 2017 cho ông Nguyễn Văn T đứng tên. Ông Nguyễn Văn T chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế thống nhất chia thừa kế theo pháp luật.

Qua đo đạc thực tế: diện tích đất 260,0m<sup>2</sup>, loại cây lâu năm.

Các đương sự thống nhất lấy giá 8.250.000 đồng/m<sup>2</sup> đất cây lâu năm, để làm căn cứ tính án phí khi được chia đất.

2.2 Về Nhà: Căn cứ biên bản định giá ngày 31/8/2023 của Hội đồng định giá giá trị nhà xây dựng trên 20 năm, cấu trúc cột bê tông, nền xecremit, vách tường, mái tole, diện tích 116,85m<sup>2</sup> tỉ lệ còn lại là 30% đơn giá 3.990.000 đồng thành tiền 139.869.450 đồng, các bên đều thống nhất giá trị nhà của hội đồng định giá. Nên xác định di sản thừa kế về nhà  $\frac{1}{2}$  của giá trị nhà tương đương số tiền 69.934.725 đồng. Mỗi kĩ phần được hưởng  $\frac{1}{6}$  giá trị nhà bằng 11.655.787 đồng. Các đương sự chị H3, chị H2, anh H4, anh H1, giao toàn bộ nhà cho bà Đ để thờ cúng. Riêng anh H được chia kỹ phần thừa kế về nhà, anh H cũng không yêu cầu chia giá trị nhà để lại bà Đ để thờ cúng ông bà.

2.3 Về người thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn T gồm: bà Lê Thị Đ, anh Nguyễn Minh H1, anh Nguyễn Minh H4, chị Nguyễn Thị Thu H2, chị Nguyễn Thị Thu H3, anh Nguyễn Minh H.

### 2.4 Về việc phân chia di sản thừa kế các đương sự thống nhất

Bà Lê Thị Đ là mẹ của anh Nguyễn Minh H1, anh Nguyễn Minh H4, chị Nguyễn Thị Thu H2, chị Nguyễn Thị Thu H3, anh Nguyễn Minh H. Bà Lê Thị Đ có  $\frac{1}{2}$  tài sản là nhà và đất hiện nay bà Lê Thị Đ đang sử dụng căn thờ để thờ cúng. Phần còn lại  $\frac{1}{2}$  căn nhà thờ và đất của ông Nguyễn Văn T chia thừa kế cho 06 kỹ phần thừa kế như sau: bà Lê Thị Đ, anh Nguyễn Minh H1, anh Nguyễn Minh H4, chị Nguyễn Thị Thu H2, chị Nguyễn Thị Thu H3, anh Nguyễn Minh H. Nhưng anh Nguyễn Minh H1, anh Nguyễn Minh H4, chị Nguyễn Thị Thu H3, chị Nguyễn Thị Thu H2 và bà Lê Thị Đ rút yêu cầu chia thừa kế, chỉ có anh Nguyễn Minh H yêu cầu chia 01 kỹ phần thừa kế bằng hiện vật là đất. Các kỹ phần còn lại thống nhất giao cho bà Lê Thị Đ( anh H1 ở chung và nuôi bà Đ) quản lý và sử dụng để thờ cúng.

\* Các đương sự thống nhất phân chia di sản cụ thể như sau:

- Chia cho anh Nguyễn Minh H được nhận riêng 01 kỹ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn T là diện tích 21,6m<sup>2</sup> vị trí cặp ranh đất nhà bà Lê Thị Đ qua thửa đất số 2682, tờ bản đồ số 1, tại vị trí B diện tích 12,7 m<sup>2</sup> và vị trí C diện tích 8,9m<sup>2</sup>

Vị trí tứ cận:

+Phía Bắc giáp thửa số 2 chiều dài cạnh 27,98m.

+Phía Nam giáp thửa 2682 chiều dài cạnh 18,15m +9,82m

+Phía Tây giáp Lê Thị Kim T1, Nguyễn Minh H chiều dài cạnh 0,39m+0,50m

+Phía Đông giáp đường V. Nhựa chiều dài cạnh 0,52m+0,14m

(Có sơ đồ đo đất kèm theo do Định Công B đo vẽ)

-Giao bà Lê Thị Đ được quyền quản lý và sử dụng căn nhà và diện tích đất 238,4 m<sup>2</sup> thửa số 2, tờ bản đồ số 3, loại đất cây lâu năm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 03930 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 21 tháng 7 năm 2017.

Anh Nguyễn Minh H không còn quyền thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T.

### 2.5 Về án phí chia thừa kế:

+ Anh Nguyễn Minh H nộp 8.910.500 đồng ( *Tám triệu chín trăm mười ngàn đồng*) án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo hai biên lai thu số 0000843 ngày 27/5/2024 nộp 300.000 đồng và nộp 1.992.000 đồng theo biên lai thu số 0000899 ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công. Như vậy anh Nguyễn Minh H phải nộp tiếp số tiền 6.618.500 đồng án phí (*Sáu triệu sáu trăm mười tám ngàn năm trăm đồng*)

Trả lại cho anh Nguyễn Minh H1 số tiền tạm ứng án phí mà anh H1 đã nộp 2.292.000 đồng ( *Hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027410 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công ( nay thành phố G), Tiền Giang.

Trả lại cho anh Nguyễn Minh H4 số tiền tạm ứng án phí mà anh H4 đã nộp 2.292.000 đồng ( *Hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027583 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công ( nay thành phố G), Tiền Giang.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H2 số tiền tạm ứng án phí mà chị H2 đã nộp 2.292.000 đồng ( *Hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027582 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công ( nay thành phố G), Tiền Giang.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H3 số tiền tạm ứng án phí mà chị H3 đã nộp 2.292.000 đồng ( *Hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027581 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công ( nay thành phố G), Tiền Giang.

+ Chi phí tổ tụng các bên tự nguyện thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND TPGC;
- C.C THADS TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Trần Thị An Thư**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Bình

Phạm Đăng Khoa

**Trần Thị An Thư**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc .... giờ .... phút ngày 22 tháng 6 năm 2022, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**